BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2018*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 3112
Ngày: 27/8/18
Chuyển: TCTK

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), gồm:

1. Việc chuyển giao, tiếp nhận, bảo quản tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Việc lập phương án và tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Việc chuyển giao, tiếp nhận, bảo quản tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Việc bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính, trừ các tài sản quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các tài sản phải chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Tài sản là bảo vật quốc gia, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa chuyển giao cho:

- Bảo tàng Lịch sử Quốc gia;

- Bảo tàng nhà nước cấp tỉnh nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

b) Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra quyết định tịch thu, cơ quan ra quyết định tịch thu có trách nhiệm bảo quản tài sản.

Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các cơ quan khác ra quyết định tịch thu được chuyển giao cho:

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

- Cơ quan nhà nước được phép sử dụng công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

c) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương, cấp tỉnh quyết định tịch thu) hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu) để bảo quản. Đối với giấy

tờ có giá có khả năng chuyển đổi thành tiền mặt thì thực hiện thủ tục chuyển đổi thành tiền mặt nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi thành tiền thì thực hiện thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước để lưu giữ, bảo quản.

d) Tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc nhóm IB chuyển giao cho Cơ quan Dự trữ nhà nước thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ lưu giữ, bảo quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Tài sản là gỗ, lâm sản khác thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại, trừ tài sản quy định tại Điểm d Khoản này; động vật rừng còn sống hoặc sau khi được cứu hộ khỏe mạnh được chuyển giao theo quy định pháp luật cho các cơ quan sau:

- Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương, cấp tỉnh quyết định tịch thu) hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu) nơi có tang vật bị tịch thu;

- Vườn thú do Nhà nước quản lý;

- Các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống), giáo dục môi trường, Viện nghiên cứu chuyên ngành;

- Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam.

e) Tài sản là động vật thủy sản nguy cấp, quý, hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại chuyển giao cho:

- Chi cục Kiểm ngư vùng hoặc cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh hoặc khu bảo tồn để thả lại nơi cư trú đối với động vật thủy sản còn sống;

- Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;

- Các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống, giáo dục, viện nghiên cứu chuyên ngành).

g) Tài sản là chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ và thiết bị hạt nhân chuyển giao cho Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền và tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu, đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP chịu trách nhiệm bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp phải chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành bảo quản theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan (sau đây gọi là hàng hóa tồn đọng), tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế, tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể nhưng không có quỹ khác có cùng mục đích hoạt động nhận tài sản chuyển giao hoặc bị giải thể do hoạt động vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội (sau đây gọi là tài

sản của quỹ bị giải thể), đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại các Khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP chịu trách nhiệm bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp phải chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành bảo quản theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam, đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP có trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

Điều 4. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Đối với tài sản xử lý theo hình thức điều chuyển từ trung ương về địa phương và ngược lại hoặc giữa các địa phương theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định tịch thu - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), lấy ý kiến của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và trình Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt.

- Căn cứ đề nghị của Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính) lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo thẩm quyền.

b) Đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định tịch thu xử lý theo các hình thức còn lại quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản, lấy ý kiến của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương), báo cáo Bộ, cơ quan trung ương có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

2. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương hoặc cơ quan, người được phân cấp theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương quản lý, sử dụng theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định tịch thu - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), gửi cơ quan

được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương.

- Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập phương án xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương quản lý, sử dụng, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương hoặc cơ quan, người được phân cấp theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền.

b) Đối với tài sản xử lý theo các hình thức còn lại quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý, báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), lấy ý kiến của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

3. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt phương án xử lý theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định tịch thu - bản sao) gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với tài sản do cấp huyện quyết định tịch thu) để báo cáo Sở Tài chính hoặc gửi Sở Tài chính (đối với tài sản do cấp tỉnh quyết định tịch thu) lập phương án xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP phê duyệt theo quy định (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp).

Đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp, căn cứ đề xuất của đơn vị chủ trì quản lý tài sản, Phòng Tài chính - Kế hoạch lập phương án xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo quy định.

b) Đối với tài sản xử lý theo các hình thức còn lại quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý, báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), lấy ý kiến của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại Khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc địa phương), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định

tại Điểm c Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP phê duyệt theo quy định (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp).

Đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản, lấy ý kiến của Phòng Tài chính - Kế hoạch, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo quy định.

4. Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, Bộ, cơ quan trung ương và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 5. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

1. Đối với tài sản bị tịch thu thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản, báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đối với tài sản bị tịch thu thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Đối với tài sản bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao) hoặc Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao) đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định thi hành án - bản sao), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt.

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền.

b) Đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định tịch thu có hiệu lực pháp lý, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định tịch thu - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), trình Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt theo thẩm quyền.

Căn cứ đề nghị của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

- Đối với tài sản bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao) hoặc Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao) lập phương án xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP phê duyệt theo thẩm quyền (đối với trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý).

Trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp thì Phòng Tài chính - Kế hoạch lập phương án xử lý tài sản theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo quy định.

- Đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định tịch thu có hiệu lực pháp lý, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định tịch thu - bản sao) gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án, viện kiểm sát cấp huyện quyết định tịch thu) hoặc gửi Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án, viện kiểm sát cấp tỉnh quyết định tịch thu) lập phương án xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP phê duyệt theo quy định (đối với trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý).

Trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp thì Phòng Tài chính - Kế hoạch lập phương án xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo quy định.

b) Đối với tài sản xử lý theo các hình thức còn lại quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

- Đối với tài sản bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao) hoặc Sở Tài chính (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao) lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Nghị định số

29/2018/NĐ-CP phê duyệt (đối với trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý) hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

Trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp thì Phòng Tài chính - Kế hoạch lập phương án xử lý tài sản, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo quy định.

- Đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát lập phương án xử lý tài sản, báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), lấy ý kiến của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP phê duyệt (đối với trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý) hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

Trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp thì cơ quan điều tra, Viện kiểm sát lập phương án xử lý tài sản, lấy ý kiến của Phòng Tài chính - Kế hoạch, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo quy định.

Điều 6. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy di sản không có người thừa kế

1. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Sở Tài chính đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt.

b) Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của người có thẩm quyền thuộc địa phương theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc

người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt theo quy định (đối với trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý) hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch lập phương án xử lý tài sản, trình người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (đối với trường hợp tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp).

Điều 7. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan

1. Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, cơ quan hải quan đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính.

Căn cứ báo cáo của cơ quan hải quan, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý tài sản báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, cơ quan hải quan đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính.

Căn cứ báo cáo của cơ quan hải quan, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với tài sản là hàng hóa có yêu cầu quản lý đặc biệt theo quy định của pháp luật, cơ quan hải quan phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hình thức xử lý.

Điều 8. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể

1. Đối với tài sản quỹ thuộc trung ương quản lý bị giải thể, đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nội vụ.

Căn cứ báo cáo của đơn vị chủ trì quản lý tài sản, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nội vụ lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc người được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phân cấp phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

2. Đối với tài sản của quỹ thuộc địa phương quản lý bị giải thể, Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

Điều 9. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

1. Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an:

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hoặc người được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

2. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam nhưng không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

b) Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương tiếp nhận tài sản:

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), lấy ý kiến của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương và trình Bộ, cơ quan trung ương có văn bản đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt.

- Căn cứ đề nghị của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

3. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương:

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương.

b) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

4. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp:

a) Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho chính quyền địa phương nhưng không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản; Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

b) Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho chính quyền địa phương đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương tiếp nhận tài sản:

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Sở Tài chính (đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản thuộc cấp huyện) hoặc gửi Sở Tài chính (đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản thuộc cấp tỉnh).

- Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt hoặc báo các Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

5. Đối với tài sản là hàng tạm nhập tái xuất của các dự án do chuyên gia, nhà thầu, tư vấn nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm làm thủ tục nộp thuế, trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không bố trí được kinh phí để nộp thuế thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc nộp thuế sau khi bán, thanh lý tài sản hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản làm thủ tục nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động

Đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động, sau khi có quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

Điều 11. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản chuyển giao cho Nhà nước theo hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

1. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương:

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm theo 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao), báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có), gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương.

b) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập phương án xử lý tài sản, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

2. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp:

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất phương án xử lý (kèm 01 bản quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản - bản sao) gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với trường hợp cơ quan thuộc cấp huyện ký hợp đồng đối tác công tư) hoặc Sở Tài chính (đối với trường hợp cơ quan thuộc cấp tỉnh ký hợp đồng đối tác công tư).

b) Đối với trường hợp cơ quan thuộc cấp huyện ký hợp đồng đối tác công tư, Phòng Tài chính – Kế hoạch lập phương án xử lý tài sản, trình người có thẩm quyền thuộc cấp huyện phê duyệt theo phân cấp hoặc báo cáo Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý theo phân cấp).

Đối với trường hợp cơ quan cấp tỉnh ký hợp đồng đối tác công tư, Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp phê duyệt hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

Điều 12. Tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành, việc tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP. Trong đó:

a) Đối với tài sản là tiền Việt Nam thì Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với tài sản là ngoại tệ, đơn vị chủ trì quản lý tài sản nộp vào tài khoản ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh. Số thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được ghi thu quỹ ngoại tệ của ngân sách nhà nước (theo nguyên tệ); đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, việc tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP. Đối với tài sản thuộc trường hợp được áp dụng xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhưng không có cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị tiếp nhận tài sản thì xử lý theo hình thức bán theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán đấu giá:

a) Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, việc tổ chức đấu giá được thực hiện như sau:

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản ký hợp đồng đấu giá với tổ chức đấu giá tài sản hoặc thành lập Hội đồng đấu giá tài sản (trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu tài sản) theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

- Giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá.

Trong các trường hợp sau đây phải thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi chuyển giao để đấu giá chưa được xác định giá trị; thời điểm dự kiến tổ chức đấu giá vượt quá 60 ngày, kể từ ngày xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; giá trị tang vật đã được xác định theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính chênh lệch (cao hơn hoặc thấp hơn) từ 10% trở lên so với giá của tài sản cùng loại theo thông báo giá của Sở Tài chính tại thời điểm chuyển giao để đấu giá.

Thành phần Hội đồng, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xác định giá khởi điểm để đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Thông tư 144/2017/TT-BTC).

- Việc thanh toán tiền, xuất hóa đơn bán tài sản công và bàn giao tài sản cho người mua được thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

- Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

b) Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan, việc tổ chức thực hiện đấu giá được quy định như sau:

- Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá là giá (đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định) do Hội đồng xác định giá khởi điểm quy định tại Điều 8

Thông tư 144/2017/TT-BTC xác định hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định.

- Việc tổ chức đấu giá, thanh toán tiền, xuất hóa đơn bán tài sản công và bàn giao tài sản cho người mua được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

- Người mua tài sản là hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan trong thời hạn theo quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản nhưng tối đa không quá 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau thời hạn này, nếu người mua tài sản không thanh toán hoặc thanh toán mà không đến nhận, không đưa hàng hóa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan mà không có lý do chính đáng thì xử lý theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và pháp luật về dân sự.

- Người mua được tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản, không phải làm thủ tục nhập khẩu, không phải nộp các loại thuế và lệ phí liên quan đến nhập khẩu.

- Khi người mua tài sản thanh toán và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm: Hóa đơn bán tài sản công (01 bản chính), Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (01 bản chính) và Phiếu xuất kho của đơn vị được giao lưu giữ, bảo quản hàng hóa (01 bản chính).

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản là hàng hóa tồn đọng cho người mua. Doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, doanh nghiệp đại lý, hãng tàu có trách nhiệm phối hợp giao hàng cho người mua hàng hóa tồn đọng và chịu chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng đến trước thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng từ thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền đến thời điểm hoàn thành việc xử lý.

c) Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này), việc tổ chức đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

d) Trường hợp đấu giá tài sản quy định tại Khoản này không thành, việc xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

4. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức bán chỉ định hoặc niêm yết giá:

a) Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng nhưng còn giá trị sử dụng:

- Việc bán tài sản là tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng nhưng còn giá trị sử dụng theo hình thức chỉ định hoặc niêm yết giá được thực hiện đối với thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; hàng hóa dễ cháy, nổ (xăng, gas, dầu, khí hóa lỏng và các chất dễ cháy, nổ khác); thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật mà hạn sử dụng

còn dưới 60 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; thực phẩm đã qua chế biến và các loại hàng hóa khác mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; hàng hóa có tính chất thời vụ (hàng tiêu dùng theo mùa, phục vụ lễ, tết), hàng điện tử (các loại máy tính bảng, điện thoại thông minh) và các loại hàng hoá, vật phẩm khác nếu không xử lý ngay sau khi có quyết định tịch thu sẽ bị hư hỏng, bị mất giá trị, không bán được hoặc hết thời hạn sử dụng.

- Giá bán hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng do đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác định căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính và chất lượng của hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng để xác định; trường hợp không thể áp dụng được quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm (trong trường hợp được cơ quan tài chính cấp trên uỷ quyền hoặc trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan không tổ chức theo cấp hành chính) để xác định giá bán của hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng;

- Đối với hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như hàng hóa dễ cháy, nổ, các loại thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chỉ được bán cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Việc bán chỉ định hoặc niêm yết giá được thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

b) Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan:

- Việc bán tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo hình thức chỉ định hoặc niêm yết giá được thực hiện đối với hàng hóa là thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; hàng hóa, vật phẩm dễ cháy nổ (xăng, gas, dầu, khí hóa lỏng và các chất dễ cháy nổ khác); hàng thực phẩm đã qua chế biến mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày; thuốc chữa bệnh, thuốc thú y mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày; các loại hàng hóa khác nếu không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, bị mất giá trị, hết thời hạn sử dụng; hàng hóa có giá trị dưới 50 triệu đồng/lô hàng hóa do đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác định.

- Đối với tài sản là hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như hàng hóa dễ cháy, nổ, các loại thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chỉ được bán cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Việc bán chỉ định hoặc niêm yết giá được thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

- Khi người mua tài sản thanh toán và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm: Hóa đơn bán tài sản công (01 bản chính); Hợp đồng mua bán hàng hóa tồn đọng (01 bản chính); Phiếu xuất kho của đơn vị được giao lưu giữ, bảo quản hàng hóa (01 bản chính).

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản là hàng hóa tồn đọng cho người mua. Doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, doanh nghiệp đại lý, hãng tàu có trách nhiệm phối hợp giao hàng cho người mua hàng hóa tồn đọng và chịu chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng đến trước thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng từ thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền đến thời điểm hoàn thành việc xử lý.

c) Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này), việc bán chỉ định, niêm yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

5. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức tiêu hủy:

a) Đối với tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng tại Điểm a Khoản 4 Điều này nhưng không còn giá trị sử dụng, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng xử lý để tiêu hủy. Hội đồng xử lý do người ra quyết định tịch thu hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm (trong trường hợp được cơ quan tài chính cấp trên uỷ quyền hoặc trường hợp người ra quyết định tịch thu thuộc cơ quan không tổ chức theo cấp hành chính) và đại diện các cơ quan chuyên môn liên quan.

b) Đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan, việc tiêu hủy được thực hiện đối với hàng hóa không còn giá trị sử dụng (mục nát, đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất, quá hạn sử dụng, không bảo đảm chất lượng sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng) hoặc thuộc diện buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam. Riêng đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tiêu hủy.

Đơn vị chủ trì quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc tiêu hủy hoặc thuê các tổ chức có chức năng để thực hiện việc tiêu hủy; trường hợp việc tiêu hủy do đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện thì có thể giao cho doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng huy động người lao động của doanh nghiệp để thực hiện.

c) Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này), đơn vị chủ trì quản lý tài sản phối hợp với các cơ quan có chức năng thực hiện tiêu hủy.

d) Việc tổ chức tiêu hủy tài sản được thực hiện như sau:

- Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng hoá, vật phẩm và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, việc tiêu huỷ được thực hiện theo các hình thức gồm: Sử dụng hóa chất; sử dụng biện pháp cơ học; hủy đốt; hủy chôn; hình thức khác theo quy định của pháp luật;

- Việc tiêu huỷ tài sản phải được lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên

bản gồm có: Căn cứ thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của tài sản tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu huỷ và các nội dung khác có liên quan;

- Đối với loại tài sản mà việc tiêu hủy làm ảnh hưởng đến môi trường thì phải được sự chấp thuận và hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường sở tại trước khi tổ chức tiêu hủy.

6. Đối với tài sản được xử lý theo các hình thức còn lại thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

7. Việc tổ chức xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện đối với tài sản của từng vụ việc. Trường hợp giá trị tài sản của một vụ việc dưới 100 triệu đồng/01 vụ việc thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản có thể tổng hợp tài sản của nhiều vụ việc để xử lý một lần nhưng thời hạn xử lý tối đa không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định tịch thu hoặc có quyết định xác lập sở hữu toàn dân của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 13. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản;

b) Sở Tài chính đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản, trừ các tài sản quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản.

2. Số tiền nộp vào tài khoản tạm giữ quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi trừ đi các khoản chi quy định tại Điều 29 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, số tiền còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trước ngày Nghị định số 29/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ tài sản quy định tại Khoản 2 Điều này) nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án

xử lý thì thực hiện việc quản lý, xử lý theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và Thông tư này (trong đó đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang tổ chức thực hiện bán, thanh lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nghị định số 29/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì phải bổ sung quyết định phê duyệt phương án để thực hiện các bước tiếp theo).

Trường hợp tài sản đã có quyết định phê duyệt phương án xử lý đang thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 29/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc thực hiện xử lý thì tiếp tục thực hiện các bước xử lý chưa hoàn thành và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan đã được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (nay là xác lập quyền sở hữu toàn dân) và đã được cấp có thẩm quyền quyết định phương án xử lý theo quy định tại Thông tư 203/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan thì tiếp tục thực hiện và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC.

3. Đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan chưa được xác lập hoặc đã xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (nay là xác lập quyền sở hữu toàn dân) nhưng chưa có phương án xử lý thì thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân, thực hiện xử lý và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và Thông tư này.

4. Đối với số tiền thu được từ xử lý tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan còn lại (nếu có) trên tài khoản tạm giữ do Cục trưởng Cục Hải quan làm chủ tài khoản, Cục Hải quan thực hiện chuyển vào tài khoản tạm giữ do Sở Tài chính làm chủ tài khoản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 13 Thông tư này và hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2018.

2. Thông tư này bãi bỏ các văn bản sau:

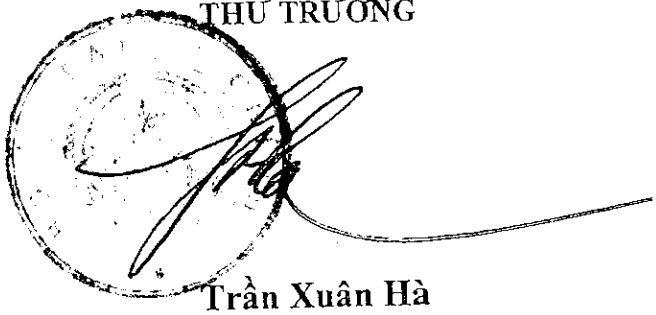
a) Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập, quyền sở hữu của Nhà nước.

b) Khoản 3 Điều 4; Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 5; Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

c) Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.(360)